

Số: /2023/TT-BGTVT

Hà Nội, ngày

tháng

năm 2023

**THÔNG TƯ**

**Sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số điều của các Thông tư quy định liên quan đến vận tải hàng không**

*Căn cứ Luật Hàng không dân dụng Việt Nam ngày 29 tháng 6 năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Hàng không dân dụng Việt Nam ngày 21 tháng 11 năm 2014;*

*Căn cứ Nghị định số 56/2022/NĐ-CP ngày 24 tháng 8 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giao thông vận tải;*

*Căn cứ Nghị định số 66/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 8 năm 2015 của Chính phủ quy định về Nhà chức trách hàng không;*

*Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Vận tải và Cục trưởng Cục Hàng không Việt Nam;*

*Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số điều của các Thông tư quy định liên quan đến vận tải hàng không.*

**Điều 1. Sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số điều của Thông tư số 81/2014/TT-BGTVT ngày 30 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về việc vận chuyển hàng không và hoạt động hàng không chung (sau đây gọi là Thông tư số 81/2014/TT-BGTVT)**

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 1 Thông tư số 81/2014/TT-BGTVT như sau:

“2. Nghĩa vụ tối thiểu của người vận chuyển đối với hành khách đã được xác nhận chỗ và có vé trên chuyến bay trong trường hợp vận chuyển bị chậm, chuyến bay bị hủy, khởi hành sớm, hành khách không được vận chuyển do lỗi của người vận chuyển.”

2. Sửa đổi, bổ sung Điều 8 Thông tư số 81/2014/TT-BGTVT đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 4 Điều 1 Thông tư số 21/2020/TT-BGTVT ngày 28 tháng 9 năm 2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 81/2014/TT-BGTVT ngày 30 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về việc vận chuyển hàng không và hoạt động hàng không chung, Thông tư số

14/2015/TT-BGTVT ngày 27 tháng 4 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về việc bồi thường ứng trước không hoàn lại trong vận chuyển hành khách bằng đường hàng không và Thông tư số 33/2016/TT-BGTVT ngày 15 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về việc báo cáo hoạt động và báo cáo số liệu trong ngành hàng không dân dụng Việt Nam (sau đây gọi là Thông tư số 21/2020/TT-BGTVT) như sau:

**“Điều 8. Nghĩa vụ tối thiểu của người vận chuyển đối với hành khách đã được xác nhận chỗ và có vé trên chuyến bay trong trường hợp vận chuyển bị chậm, chuyến bay bị hủy, khởi hành sớm, hành khách không được vận chuyển do lỗi của người vận chuyển**

1. Hãng hàng không có trách nhiệm thông báo ngay cho hành khách về việc thay đổi thời gian khởi hành của chuyến bay.

2. Chuyến bay bị chậm là chuyến bay có thời gian khởi hành thực tế muộn trên 15 phút so với thời gian khởi hành theo kế hoạch trong lịch bay căn cứ.

3. Trong trường hợp không phải do lỗi của hành khách mà chuyến bay bị chậm, người vận chuyển có nghĩa vụ cung cấp, cập nhật đầy đủ thông tin cho hành khách theo phương thức thích hợp; xin lỗi hành khách; bảo đảm việc ăn, nghỉ, đi lại và chịu các chi phí khác có liên quan trực tiếp phù hợp với thời gian chờ đợi tại cảng hàng không được quy định trong Điều lệ vận chuyển và phải đảm bảo chất lượng dịch vụ hành khách tại cảng hàng không theo quy định của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải.

4. Trong trường hợp chuyến bay bị chậm do lỗi của người vận chuyển, ngoài các nghĩa vụ của khoản 3 Điều này, người vận chuyển có trách nhiệm thực hiện các nghĩa vụ khác đối với hành khách như sau:

a) Đối với chuyến bay chậm từ 02 giờ trở lên: trong phạm vi cung cấp dịch vụ của người vận chuyển, chuyển đổi hành trình phù hợp cho hành khách hoặc chuyển sang chuyến bay khác để hành khách tới được điểm cuối của hành trình, miễn trừ điều kiện hạn chế về chuyển đổi hành trình hoặc chuyển đổi chuyến bay và phụ thu liên quan (nếu có) cho hành khách;

b) Đối với chuyến bay chậm từ 05 giờ trở lên: trường hợp hành khách không yêu cầu người vận chuyển thực hiện nghĩa vụ theo quy định tại điểm a khoản này mà yêu cầu hoàn trả tiền vé, người vận chuyển hoàn trả toàn bộ tiền vé hoặc hoàn trả tiền phần vé chưa sử dụng theo sự lựa chọn của hành khách tại cảng hàng không hoặc tại các văn phòng đại diện, chi nhánh hoặc đại lý bán vé do hãng hàng không chỉ định;

c) Đối với chuyến bay chậm kéo dài: ngoài nghĩa vụ quy định tại điểm a hoặc điểm b khoản này khi hành khách có yêu cầu, người vận chuyển phải thực

hiện bồi thường ứng trước không hoàn lại cho hành khách đã được xác nhận chỗ và có vé trên chuyến bay theo quy định về việc bồi thường ứng trước không hoàn lại trong vận chuyển hành khách bằng đường hàng không của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải.

5. Chuyến bay bị hủy là việc không thực hiện một chuyến bay mà lịch bay để đặt chỗ, bán vé của chuyến bay này đã được công bố trên hệ thống bán vé đặt chỗ (CRS) của người vận chuyển trong vòng 24 giờ trước thời gian khởi hành dự kiến.

6. Trường hợp hành khách không được vận chuyển do lỗi của người vận chuyển và trường hợp chuyến bay bị hủy mà không được người vận chuyển thông báo trước cho hành khách, ngoài nghĩa vụ tại khoản 3 Điều này, người vận chuyển phải thực hiện các nghĩa vụ đối với hành khách như sau:

a) Bồi thường ứng trước không hoàn lại cho hành khách đã được xác nhận chỗ và có vé trên chuyến bay theo quy định về việc bồi thường ứng trước không hoàn lại trong vận chuyển hành khách bằng đường hàng không của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải;

b) Trong phạm vi cung cấp dịch vụ của người vận chuyển, chuyển đổi hành trình phù hợp cho hành khách hoặc chuyển sang chuyến bay khác để hành khách tới được điểm cuối của hành trình, miễn trừ điều kiện hạn chế về chuyển đổi hành trình hoặc chuyển đổi chuyến bay và phụ thu liên quan (nếu có) cho hành khách;

c) Trường hợp hành khách từ chối áp dụng điểm b khoản này, người vận chuyển hoàn trả toàn bộ tiền vé hoặc hoàn trả tiền phần vé chưa sử dụng theo sự lựa chọn của hành khách tại cảng hàng không hoặc tại các văn phòng đại diện, chi nhánh, đại lý bán vé do hãng hàng không chỉ định;

d) Trường hợp hành khách từ chối áp dụng điểm b, c khoản này, người vận chuyển có thể thực hiện nghĩa vụ khác theo thỏa thuận với hành khách.

7. Chuyến bay khởi hành sớm là chuyến bay có thời gian khởi hành thực tế sớm hơn 15 phút so với thời gian khởi hành theo kế hoạch trong lịch bay căn cứ.

8. Trường hợp do lỗi của người vận chuyển, hành khách đã được xác nhận chỗ nhưng không được vận chuyển và không nhận được thông báo về việc thay đổi thời gian khởi hành sớm hoặc không đồng ý với việc thay đổi thời gian khởi hành sớm, người vận chuyển có trách nhiệm thực hiện các nghĩa vụ quy định tại khoản 6 Điều này.

9. Việc hoàn vé cho hành khách theo quy định tại Điều này được áp dụng như sau:

a) Miễn trừ điều kiện hạn chế về hoàn vé và phí hoàn vé (nếu có);

b) Vé hoàn toàn chưa được sử dụng, khoản chi hoàn sẽ bằng số tiền vé mà hành khách đã trả; tiền vé bao gồm các khoản: giá dịch vụ vận chuyển; các khoản thuế, phí do Nhà nước quy định, giá dịch vụ bảo đảm an ninh hành khách, hành lý, giá phục vụ hành khách tại cảng hàng không, sân bay mà hãng hàng không thu hộ; các khoản phụ thu khác có liên quan theo hóa đơn hợp pháp do hành khách cung cấp;

c) Vé đã được sử dụng một phần, khoản chi hoàn sẽ không thấp hơn chênh lệch giữa tiền vé đã trả và tiền vé, các dịch vụ khác đã sử dụng cho hành trình của hành khách.”.

3. Sửa đổi, bổ sung Điều 14 Thông tư số 81/2014/TT-BGTVT đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 9 Điều 1 Thông tư 21/2020/TT-BGTVT như sau:

**“Điều 14. Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký xuất vận đơn hàng không thứ cấp**

1. Doanh nghiệp Việt Nam đăng ký xuất vận đơn hàng không thứ cấp của mình gửi 01 bộ hồ sơ đề nghị đăng ký xuất vận đơn hàng không thứ cấp đến Cảng vụ hàng không theo các hình thức trực tiếp, qua đường bưu chính, trên môi trường điện tử hoặc bằng các hình thức khác và phải chịu trách nhiệm về tính chính xác của các thông tin trong hồ sơ. Hồ sơ bao gồm:

a) Văn bản đề nghị theo mẫu quy định tại Phụ lục IX ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Vận đơn hàng không thứ cấp của doanh nghiệp giao nhận.

2. Doanh nghiệp Việt Nam đăng ký xuất vận đơn hàng không thứ cấp của doanh nghiệp giao nhận nước ngoài gửi 01 bộ hồ sơ đề nghị đăng ký xuất vận đơn hàng không thứ cấp đến Cảng vụ hàng không theo các hình thức trực tiếp, qua đường bưu chính, trên môi trường điện tử hoặc bằng các hình thức khác và phải chịu trách nhiệm về tính chính xác của các thông tin trong hồ sơ. Hồ sơ bao gồm:

a) Văn bản đề nghị theo mẫu quy định tại Phụ lục X ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Vận đơn hàng không thứ cấp của doanh nghiệp giao nhận nước ngoài.

3. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ theo quy định, Cảng vụ hàng không có trách nhiệm xem xét, quyết định cấp Giấy chứng nhận đăng ký xuất vận đơn hàng không thứ cấp theo mẫu quy định tại Phụ lục XIV ban hành kèm theo Thông tư này. Trường hợp không cấp Giấy chứng nhận đăng ký xuất vận đơn hàng không thứ cấp, phải nêu rõ lý do bằng văn bản.

Trường hợp hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đăng ký xuất vận đơn hàng không thứ cấp chưa đầy đủ theo quy định, trong thời hạn 01 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ, Cảng vụ hàng không có văn bản hướng dẫn người đề nghị cấp Giấy chứng nhận đăng ký xuất vận đơn hàng không thứ cấp hoàn chỉnh hồ sơ và thời hạn giải quyết được tính từ khi nhận được hồ sơ đầy đủ theo quy định.

Việc trả kết quả được thực hiện tại trụ sở Cảng vụ hàng không hoặc qua đường bưu chính hoặc trên môi trường điện tử hoặc bằng các hình thức phù hợp khác theo quy định.

4. Doanh nghiệp đề nghị cấp Giấy chứng nhận đăng ký xuất vận đơn hàng không thứ cấp nộp phí theo quy định pháp luật. Thời gian thực hiện nộp phí của người đề nghị không tính vào thời gian giải quyết thủ tục hành chính.

5. Giấy chứng nhận đăng ký xuất vận đơn hàng không thứ cấp có hiệu lực kể từ ngày ký và bị thu hồi trong các trường hợp sau:

a) Doanh nghiệp ngừng hoạt động xuất vận đơn hàng không 06 tháng liên tục kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận mà không thông báo với cơ quan cấp Giấy chứng nhận;

b) Các trường hợp khác theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

6. Trường hợp Giấy chứng nhận đăng ký xuất vận đơn hàng không thứ cấp bị thu hồi, Cảng vụ hàng không quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký xuất vận đơn hàng không thứ cấp và doanh nghiệp phải chấm dứt ngay hoạt động xuất vận đơn hàng không thứ cấp. Trường hợp Cảng vụ hàng không quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký xuất vận đơn hàng không thứ cấp do Cục Hàng không Việt Nam cấp trước đây thì thông báo cho Cục Hàng không Việt Nam biết để theo dõi.”.

4. Bãi bỏ khoản 7 Điều 21 Thông tư số 81/2014/TT-BGTVT.

5. Thay thế các Phụ lục IX, X ban hành kèm theo Thông tư số 81/2014/TT-BGTVT đã được sửa đổi bổ sung tại Phụ lục IV, V ban hành kèm theo Thông tư 21/2020/TT-BGTVT bằng các Phụ lục I, II tương ứng ban hành kèm theo Thông tư này.

6. Thay thế Phụ lục XIV ban hành kèm theo Thông tư số 81/2014/TT-BGTVT đã được bổ sung tại Phụ lục VII ban hành kèm theo Thông tư số 21/2020/TT-BGTVT bằng Phụ lục III tương ứng ban hành kèm theo Thông tư này.

**Điều 2. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 14/2015/TT-BGTVT ngày 27 tháng 4 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về việc bồi thường ứng trước không hoàn lại trong vận chuyển**

**hành khách bằng đường hàng không (sau đây gọi là Thông tư số 14/2015/TT-BGTVT)**

1. Sửa đổi, bổ sung Điều 2 của Thông tư số 14/2015/TT-BGTVT đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 1 Điều 2 Thông tư số 27/2017/TT-BGTVT ngày 25 tháng 08 năm 2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 36/2014/TT-BGTVT ngày 29 tháng 8 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định chất lượng dịch vụ hành khách tại cảng hàng không và Thông tư số 14/2015/TT-BGTVT ngày 27 tháng 4 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về việc bồi thường ứng trước không hoàn lại trong vận chuyển hành khách bằng đường hàng không (sau đây gọi là Thông tư số 27/2017/TT-BGTVT) như sau:

**“Điều 2. Giải thích từ ngữ**

1. Bồi thường ứng trước không hoàn lại là việc bồi thường bằng tiền hoặc bằng các hình thức phù hợp khác mà người vận chuyển phải trả cho hành khách trong các trường hợp theo quy định của pháp luật không phụ thuộc vào việc xác định mức thiệt hại thực tế của hành khách.

2. Hành khách bị từ chối vận chuyển là hành khách đã có vé và đã được xác nhận chỗ trên chuyến bay nhưng bị người vận chuyển từ chối vận chuyển.

3. Thời gian khởi hành thực tế (Actual Off Block Time-AOBT) là thời gian thực tế tàu bay được đẩy hoặc bắt đầu di chuyển khỏi vị trí đỗ.

4. Chuyến bay bị chậm kéo dài là chuyến bay có thời gian khởi hành thực tế muộn trên 4 tiếng so với thời gian khởi hành theo kế hoạch trong lịch bay căn cứ.

5. Người vận chuyển là hãng hàng không khai thác thực tế các chuyến bay.

6. Xác nhận chỗ là việc người vận chuyển xác nhận hành khách đã có chỗ trên chuyến bay.

7. Lịch bay căn cứ là lịch bay của hãng hàng không được cập nhật đến thời điểm 22 giờ (giờ Hà Nội) vào hệ thống dữ liệu của Người khai thác cảng hàng không của ngày hôm trước ngày dự kiến khai thác.”.

2. Thay thế cụm từ “cất cánh” bằng cụm từ “khởi hành” tại khoản 5, 7 Điều 4 Thông tư số 14/2015/TT-BGTVT đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 1 Điều 2 Thông tư số 21/2020/TT-BGTVT, điểm a khoản 4 Điều 9 và khoản 3 Điều 10 Thông tư số 14/2015/TT-BGTVT.

**Điều 3. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 33/2016/TT-BGTVT ngày 15 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về việc báo cáo hoạt động và báo cáo số liệu trong ngành hàng không dân dụng Việt Nam (sau đây gọi là Thông tư số 33/2016/TT-BGTVT)**

1. Thay thế cụm từ “cất cánh” bằng cụm từ “khởi hành” tại điểm a khoản 2 Điều 4 Thông tư số 33/2016/TT-BGTVT đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 1 Điều 3 Thông tư số 21/2020/TT-BGTVT.

2. Sửa đổi điểm e khoản 4 Điều 4 như sau:

“e) Báo cáo số liệu chậm, hủy chuyến (hàng ngày) theo Mẫu HHK-6 của Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này: số liệu từ 00 giờ 00 đến hết 23 giờ 59 (giờ Hà Nội), báo cáo trước 15 giờ 00 ngày kế tiếp, trong đó: báo cáo đến Cục Hàng không Việt Nam: số liệu toàn mạng cảng hàng không Việt Nam; báo cáo đến Cảng vụ hàng không hoặc đại diện Cảng vụ hàng không tại cảng hàng không, sân bay và Người khai thác cảng hàng không, sân bay: số liệu tại từng cảng hàng không tương ứng;”.

3. Bổ sung khoản 6b vào Điều 4 như sau:

“6b) Người khai thác cảng hàng không, sân bay báo cáo số liệu đến Cục Hàng không Việt Nam, Cảng vụ hàng không bao gồm:

Báo cáo số liệu chậm, hủy chuyến các hãng hàng không Việt Nam tại cảng hàng không, sân bay (hàng ngày) theo Mẫu CHK-01 của Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này: số liệu từ 00 giờ 00 đến hết 23 giờ 59 (giờ Hà Nội), báo cáo trước 09 giờ 00 ngày thứ hai kế tiếp của ngày báo cáo.”.

4. Thay thế, bổ sung các mẫu được ban hành kèm theo Phụ lục của Thông tư số 33/2016/TT-BGTVT như sau:

a) Thay thế các Mẫu HK-1, Mẫu HK-2, Mẫu HK-3, Mẫu HK-4, Mẫu CV-2, Mẫu CV-3, Mẫu CV-4, Mẫu CV-5, Mẫu QLB-1, Mẫu QLB-2, Mẫu QLB-3, Mẫu QLB-4, Mẫu QLB-5, Mẫu HHK-1, Mẫu HHK-2, Mẫu HHK-3, Mẫu HHK-4, Mẫu HHK-5, Mẫu HHK-6, Mẫu HHK-7, Mẫu HHK-8, Mẫu XDHK, Mẫu PVMĐ bằng các mẫu tương ứng với các mẫu số thứ tự 1, 2, 3, 4, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12, 13, 14, 16, 17, 18, 19, 20, 21, 22, 23, 24, 25 của Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Thay thế các Mẫu CV-1, Mẫu QLB-6 đã được thay thế tại khoản 3 Điều 3 Thông tư số 21/2020/TT-BGTVT bằng các mẫu tương ứng với các mẫu số thứ tự 5, 15 của Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư này;

c) Bổ sung Mẫu CHK-01 vào Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 33/2016/TT-BGTVT bằng mẫu số thứ tự 26 của Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư này.

**Điều 4. Sửa đổi, bổ sung một số cụm từ của Thông tư số 36/2014/TT-BGTVT ngày 29 tháng 8 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định chất lượng dịch vụ hành khách tại cảng hàng không**

Thay thế cụm từ “cất cánh” bằng cụm từ “khởi hành” tại điểm d khoản 2 Điều 5 Thông tư số 36/2014/TT-BGTVT đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 6 Điều 1 Thông tư số 27/2017/TT-BGTVT, điểm c khoản 1 Điều 6 Thông tư số 36/2014/TT-BGTVT, điểm a khoản 2 Điều 7 Thông tư số 36/2014/TT-BGTVT đã được sửa đổi bổ sung tại khoản 10 Điều 1 Thông tư số 27/2017/TT-BGTVT, khoản 2 Điều 10 Thông tư số 36/2014/TT-BGTVT đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 14 Điều 1 Thông tư số 27/2017/TT-BGTVT.

#### **Điều 5. Hiệu lực thi hành**

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 9 năm 2023.
2. Hồ sơ đề nghị đăng ký xuất vận đơn hàng không thứ cấp đã gửi đến Cục Hàng không Việt Nam trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành thì tiếp tục thực hiện theo quy định tại Thông tư số 21/2020/TT-BGTVT.
3. Giấy chứng nhận đăng ký xuất vận đơn hàng không thứ cấp đã được cấp trước ngày Thông tư này có hiệu lực tiếp tục có giá trị đến khi Giấy chứng nhận bị thu hồi.
4. Chánh Văn phòng, Chánh Thanh tra, các Vụ trưởng, Cục trưởng Cục Hàng không Việt Nam, Thủ trưởng cơ quan, tổ chức và cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./.

#### **Nơi nhận:**

- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- UBND tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Các Thứ trưởng Bộ GTVT;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL (Bộ Tư pháp);
- Công báo;
- Cổng thông tin điện tử Chính phủ;
- Cổng thông tin điện tử Bộ GTVT;
- Báo Giao thông, Tạp chí GTVT;
- Lưu: VT, VT (B2).

**KT. BỘ TRƯỞNG  
THỨ TRƯỞNG**

**Lê Anh Tuấn**